



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2010

Trình độ đào tạo:	ĐẠI HỌC
Ngành:	TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
Chuyên ngành đào tạo:	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
Loại hình đào tạo:	CHÍNH QUI

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp trang bị cho sinh viên hệ thống các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, cũng như trang bị các kiến thức liên quan về các định chế tài chính và thị trường tài chính. Bên cạnh các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, chương trình còn tạo cho người học khả năng tư duy, khả năng nghiên cứu và vận dụng sáng tạo các kiến thức trong thực tiễn.

Ngoài ra, sinh viên còn được chú trọng giáo dục về phẩm chất, bản lĩnh chính trị, bảo đảm đạo đức nghề nghiệp và có sức khỏe tốt.

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Kiến thức

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính nói chung và tài chính doanh nghiệp nói riêng

- Có kiến thức về những vấn đề của tài chính doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính, đầu tư tài chính, công cụ phái sinh trong phòng ngừa và quản trị rủi ro, thị trường và các định chế tài chính, tài chính quốc tế,...

- Có khả năng phân tích định lượng, giải quyết những vấn đề tài chính bằng các kỹ thuật và phương pháp định lượng.

1.2.2. Kỹ năng

- Quản lý tài chính doanh nghiệp như hoạch định, thực thi các chính sách tài chính doanh nghiệp.

- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến tài chính doanh nghiệp.

- Thực hiện và cung ứng các dịch vụ tài chính như tư vấn tài chính, môi giới tài chính, định giá tài sản, bảo hiểm, chứng khoán, ...

- Kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế với khả năng giao tiếp tốt bằng ngoại ngữ với trình độ tiếng Anh tương đương TOEIC 500 hoặc tiếng Pháp DELF A2 hoặc có chứng chỉ các ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF).

- Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng tích lũy, cập nhật kiến thức; kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng phối hợp, làm việc theo nhóm; kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo, lập dự án và bảo vệ dự án.

1.2.3. Thái độ và hành vi

- Có ý thức cao trong việc chấp hành các quy định pháp luật, quan tâm và hành động có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc lợi ích của xã hội.

- Thể hiện tinh thần học tập suốt đời, tích cực cập nhật, nâng cao kiến thức mọi mặt, đặc biệt là kiến thức nghề nghiệp; luôn có trách nhiệm và chuyên nghiệp trong công việc.

- Năng động, trung thực, cầu thị, có ý thức kỷ luật, hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp.

1.3. Cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc với tư cách chuyên viên tài chính hoặc vị trí quản trị tài chính các cấp trong các tổ chức sau:

- + Các doanh nghiệp.
- + Các tổ chức cung ứng các dịch vụ tài chính.
- + Các định chế tài chính.

Ngoài ra sinh viên tốt nghiệp còn có thể trở thành các nhà tư vấn tài chính độc lập hoặc công tác tại các viện nghiên cứu kinh tế, các trường đại học và cao đẳng khối ngành kinh tế.

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN

5. Quy trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (41 tín chỉ)

7.1.1. Lý luận chính trị

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	2120201	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	2
2	2120251	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	3
3	2120211	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
4	2120061	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
Tổng cộng			10

7.1.2. Khoa học xã hội

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
5	2160082	Marketing căn bản	3
6	2110011	Pháp luật đại cương	2
7	2130032	Quản trị học	3

8	2110051	Xã hội học	2
Tổng cộng			10

7.1.3. Ngoại ngữ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
9	4270011	Ngoại ngữ đại cương 1	3
10	4270021	Ngoại ngữ đại cương 2	2
11	4270031	Ngoại ngữ đại cương 3	2
Tổng cộng			7

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
12	2110061	Phương pháp định lượng trong kinh tế	3
13	2150011	Tin học đại cương	3
14	3250041	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
15	3250011	Toán cao cấp 1	3
16	3250021	Toán cao cấp 2	2
Tổng cộng			14

7.1.5 Giáo dục thể chất

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
17		Giáo dục thể chất	5

7.1.6 Giáo dục quốc phòng

STT	Mã học phần	Tên học phần	
18		Giáo dục Quốc phòng	4 tuần

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (84 tín chỉ)

7.2.1. Kiến thức cơ sở

7.2.1.1 Kiến thức cơ sở khối ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
19	2111221	Kinh tế vĩ mô	3
20	2130851	Kinh tế vi mô	3
Tổng cộng			6

7.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
21	2150022	Kinh tế lượng	3
22	2110042	Luật kinh tế	2
23	2100012	Nguyên lý kế toán	3

24	2150042	Nguyên lý thống kê kinh tế	3
25	2140582	Toán tài chính	3
Tổng cộng			14

7.2.2. Kiến thức ngành chính

7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành chính

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
26	2140012	Tài chính – Tiền tệ	3
27	2140123	Tài chính doanh nghiệp	3
28	2140132	Tài chính quốc tế	3
29	2140142	Thị trường và các định chế tài chính	3
30	2140363	Thuế	3
Tổng cộng			15

7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành chính

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
31	2140503	Công cụ tài chính phái sinh	3
32	2140293	Đầu tư tài chính	3
33	2100532	Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp	2
34	2140283	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3
35	2140602	Thanh toán quốc tế	3
Tổng cộng			14

7.2.3. Kiến thức bổ trợ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
36	2140532	Định giá tài sản	3
37	2100063	Kế toán tài chính 1	4
38	2100093	Kế toán tài chính 2	3
39	2140222	Kinh tế bảo hiểm	2
40	2130072	Quản trị chiến lược	3
41	2140562	Quản trị ngân hàng	3
Tổng cộng			18
<i>Chọn ít nhất 7 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>			
42	2150062	Hệ thống thông tin quản lý	3
43	2100482	Kế toán tài chính 3	3
44	2100082	Kiểm toán căn bản	3
45	2160032	Kinh doanh xuất nhập khẩu	3
46	2130092	Nghiên cứu Marketing	3
47	2010011	Phương pháp NCKH	2
48	2130912	Quản trị dự án	3
49	2140232	Tài chính công	3
50	2150682	Thống kê kinh doanh	3

7.2.4. Đề án môn học, thực hành và hoạt động ngoại khóa

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ
51	2140263	Đề án môn học	2
52		Hoạt động ngoại khóa	

7.2.5. Thực tập cuối khóa

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ
Hình Thức 1			
53	2140493	Bảo vệ báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
54		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	6
Hình Thức 2			
55	2140553	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp*	10

* Sinh viên phải học học phần "Phương pháp nghiên cứu khoa học", có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

7.2.6. Lộ trình học (đính kèm theo chương trình đào tạo này)

HỘI ĐỒNG
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG